TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 55/2020/DS-PT Ngày: 10/9/2020 V/v "Tranh chấp đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang
Các Thẩm phán: Ông Lâm Bách
Ông Võ Minh Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày10 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc *"Tranh chấp đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Ông Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1958 (ông H ủy quyền cho bà Ng tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 23/4/2020).

2. Bà Ngô Thị Thúy Ng, sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 128 đường Nguyễn T, tổ dân phố 2, thị trấn D'Ran, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H – Luật sư Văn phòng luật sư Thành Phát, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Địa chỉ: Số 297 đường H, phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Huy C, sinh năm: 1977;

2. Bà Ngô Thị Kim T, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn Long Bình 1, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Bích Th, sinh năm:

1973 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09/10/2019), (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4.Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Bích Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Thúy Ng trình bày:

Giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T có mối quan hệ là con chú bác ruột (bà Ng là con nhà bác, còn bà T là con nhà chú), vì vậy, vào tháng 8/2017 vợ chồng ông C, bà T có rủ vợ chồng bà cùng làm ăn chung (nuôi tôm) và mua đất chung. Do đó, từ ngày 16/9/2017 đến ngày 13/5/2018, vợ chồng ông bà dã nhiều lần giao tiền cho vợ chồng ông C, bà T, tổng cộng vợ chồng bà đã giao cho vợ chồng ông C, bà T số tiền 850.000.000đ (trong đó 590.000.000đ tiền góp vốn nuôi tôm và tiền góp vốn mua đất chung 260.000.000đ). Sau khi giao số tiền nói trên cho ông C, bà T được một thời gian ngắn, khoảng cuối tháng 5/2018, vợ chồng ông bà phát hiện vợ chồng ông C, bà T không minh bạch, rõ ràng trong làm ăn nên giữa hai bên thống nhất không làm ăn chung với nhau nữa và cùng thỏa thuận toàn bộ số tiền vợ chồng bà đã giao cho vợ chồng ông C, bà T trước đó coi như vợ chồng ông C, bà T mượn của vợ chồng ông bà. Vì vậy, ngày 04/9/2018, vợ chồng ông C, bà T viết giấy xác nhận có mượn của vợ chồng bà số tiền 850.000.000đ, hai bên không thỏa thuận lãi suất, về thời hạn trả nợ vợ chồng ông C bà T hứa "trong năm 2018 hoặc qua năm 2019" sẽ hoàn trả nợ toàn bộ số tiền nói trên cho vợ chồng bà. Từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà T nhưng ông C, bà T hứa hẹn hết lần này đến lần khác cũng không có thiện chí hoàn trả số tiền nêu trên. Nay, vợ chồng ông bà yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả lại số tiền 850.000.000đ và tiền lãi 93.500.000đ. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu tuyên giấy mượn tiền ngày 04/9/2018 vô hiệu thì vợ chồng bà không đồng ý vì giấy trên là do 02 bên tự nguyện viết không chứ không phải do bị ép buộc hay lừa dối để che giấu 01 giao dịch dân sự khác.

Tại đơn phản tố và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T là bà Trần Thị Bích Th trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án tuyên giấy mượn tiền do ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T viết cho ông Huỳnh Ngọc H và bà Ngô Thị Thúy Ng vào ngày 04/9/2018 là vô hiệu. Bởi vì, giấy mượn tiền nêu trên là giao dịch giả tạo nhằm hợp thức khoản tiền góp vốn nuôi tôm. Ông C, bà T viết trong tình huống không tự nguyện, vì việc đầu tư đã được thực hiện và người tham gia đầu tư yêu cầu rút vốn đột xuất. Việc yêu cầu lãi suất không phù hợp vì giấy mượn có thời hạn, đây là tiền góp vốn làm

ăn, không phải tiền mượn và khi viết giấy mượn tiền bị gây sức ép. Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước quyết định:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39, điều 147, điều 227, điều 271, khoản 1 điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 164, điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Đều 26, 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng về yêu cầu ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T trả số tiền 850.000.000^{đ} *(Tám trăm năm mươi triệu đồng)* đã mượn.

Buộc ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T phải trả ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng số tiền 850.000.000^{đ} *(Tám trăm năm mươi triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng yêu cầu ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T trả số tiền lãi 93.500.000^{đ} *(Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T yêu cầu tuyên vô hiệu giấy mượn tiền ngày 04/9/2019 là do giả tạo, ép buộc.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày10/01/2020, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Ninh Phước. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T thanh toán cho ông H, bà Ng số tiền gốc 850.000.000^{đ} và tiền lãi 93.500.000^{đ} (tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 31/12/2019 là 11 tháng x 1%/tháng x 850.000.000^{đ}) và buộc ông C, bà T tiếp tục trả lãi suất cho ông H, bà Ng cho đến ngày Tòa án xét xử phúc thẩm xong vụ án.

Ngày 15/01/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Bích Th kháng cáo toàn bộ bản án số 02/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Toà án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền góp vốn nuôi tôm đã được đầu tư vào thuê đất, làm đìa tôm và mua máy móc phục vụ nuôi tôm; Yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định lại khối tài sản đã đầu tư vào đìa tôm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo bà Ng, ông H bổ sung yêu cầu kháng cáo, xác định số tiền lãi là 164.333.000^{đ} (tính từ 01/02/2019 đến ngày 10/9/2020 là 19 tháng 10 ngày x1%/ tháng x

850.000.000đ); bị đơn kháng cáo không rút, thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: bản chất ban đầu là hai bên thỏa thuận góp vốn nuôi tôm và mua đất chung, sau khi phía nguyên đơn đề nghị nhận lại tiền chuyển giao 850.000.000đ trước đó thì được sự đồng ý của cả hai vợ chồng bị đơn, do đó giấy ghi nội dung mượn tiền ngày 04/9/2018 coi như là khoản tiền vay mượn. Đề nghị tính lãi suất từ ngày vi phạm tức là tháng 02/2019 đến ngày Tòa án xét xử phúc thẩm theo khoản 4 điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc góp vốn làm ăn chung đã chấm dứt và đôi bên xác lập giao dịch mới, cần sửa xác định quan hệ tranh chấp là " Hợp đồng vay tài sản" chứ không phải " Đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm" như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm và áp dụng các điều luật về vay tài sản để giải quyết vụ án. Ngoài số tiền gốc phải trả theo giấy mượn tiền ngày 04/9/2018 còn phải trả lãi theo điều 463 Bộ luật Dân sự, mặc dù giấy mượn tiền không ghi rõ thời hạn trả nợ và lãi suất nhưng có ấn định thời hạn trả nợ "…trong năm hay qua năm sau…" bà T, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nên phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào khoản 6 điều 404, điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015 thì ông C, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà Ng, ông H và thời hạn trả nợ gốc và lãi theo hướng có lợi cho ông H, bà Ng. Thời điểm trả nợ được xác định từ 01/01/2019 đến thời điểm xét xử phúc thẩm (850.000.000đ x 10%/ năm x thời gian chậm trả tính tới thời điểm xét xử phúc thẩm). Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh, yêu cầu kháng cáo của bị đơn vượt quá phạm vi xem xét giải quyết phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, bị đơn đã ủy quyền toàn bộ cho người đại diện và đơn kháng cáo được xác nhận kháng cáo theo đúng ý chí của bị đơn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Việc bổ sung nội dung kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc bổ sung nội dung kháng cáo.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đại diện Viện kiểm sát cho rằng quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định quan hệ tranh chấp " Đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm" là không đúng, đề nghị xác định quan hệ tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản". Xét nguyên đơn Ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T phải trả số tiền còn nợ do phát sinh từ quan hệ hợp tác nuôi tôm. Thỏa thuận góp vốn hợp tác sản xuất giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 504 Bộ luật Dân sự 2015 về " Hợp đồng hợp tác". Cả hai bên góp vốn để hợp tác và tự nguyện chấm dứt việc hợp tác bằng thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 04/9/2018, bản chất của số tiền 850.000.000^{đ} là tiền góp vốn nuôi tôm, không phải là tiền cho vay và đã được cả hai bên đương sự thừa nhận tại phiên tòa. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Đòi lại tài sản là tiền cho mượn góp vốn nuôi tôm và mua đất" là chưa phù hợp nhưng việc xác định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên; Do đó, cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm" là có căn cứ và đúng pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét yêu cầu kháng của nguyên đơn, bị đơn:

[3.1] Quá trình thu thập chứng cứ nhận thấy giữa các bên hợp tác với nhau hùn vốn nuôi tôm, do là người nhà và tin tưởng nhau nên hai bên không làm giấy tờ mà chỉ nói miệng với nhau, không người chứng kiến. Theo quy định tại điều 504 Bộ luật Dân sự 2015 thì " Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm; Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản"; do đó nội dung hợp tác giữa các bên như thành viên hợp tác, thời hạn hợp tác, phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức, quyền và nghĩa vụ của các thành viên… không được xác định rõ ràng, quá trình hợp tác làm ăn không tính toán đầu ra, đầu vào. Sau khi thỏa thuận hợp tác bà Ng, ông H đã nhiều lần giao tiền cho ông C, bà T tổng cộng vốn gốc là 850.000.000^{đ}, điều này phù hợp với lời trình bày của phía bà T, ông C trong quá trình làm việc bên công an huyện Ninh Phước vào ngày 16/8/2019 cũng thừa nhận số tiền vốn góp của bên nguyên đơn như trên. Đồng thời tại giấy lập ngày 04/9/2018 có nội dung " Tôi tên Nguyễn Huy C , vợ Ngô Thị Kim T có mượn tiền làm ăn chung tôm với anh chị H, Ng, vợ chồng tôi C , T còn thiếu lại 850.000.000^{đ} …trong năm hay qua năm sau hoàn vốn trả lại cho anh chị; có chữ ký tên của ông C, bà T". Số tiền mà ông C, bà T nhận mượn trong giấy ngày 04/9/2018 là khoản tiền chuyển từ số tiền bị đơn hoàn tiền

hùn vốn nuôi tôm, được các bên đương sự thỏa thuận chấm dứt việc hợp tác và ông C, bà T thừa nhận có viết giấy nội dung này, do đó cấp sơ thẩm buộc ông C, bà T có trách nhiệm trả cho ông H, bà Ng số tiền đã góp vốn hợp tác là có căn cứ.

Bị đơn ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền góp vốn nuôi tôm đã được đầu tư vào thuê đất, làm đìa tôm và mua máy móc phục vụ nuôi tôm nhưng không cung cấp được hồ sơ, chứng cứ để chứng minh việc hùn vốn nuôi tôm được chia như thế nào? Tiền đầu tư vào việc nuôi tôm, mua máy móc và số tiền lãi hay lỗ sau mỗi vụ tôm. Tại phiên tòa bị đơn chỉ cung cấp một bản hợp đồng thuê đất làm đìa (bản photo, không có bản chính đối chiếu). Thỏa thuận chấm dứt hợp tác và hoàn vốn xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, cho đến nay bị đơn cũng không chứng minh được việc không tự nguyện chấm dứt; trong khi sau khi viết giấy nhận nợ ngày 04/9/2018 giữa hai bên có viết tiếp giấy thỏa thuận với nội dung " Ngô Thị Kim T cùng chồng Nguyễn Huy C hứa hẹn thỏa thuận gửi lại số tiền hùn làm tôm chung cho chị Ng là 850.000.000^{đ}…" được phía nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định giấy mượn tiền ngày 04/9/2018 viết trên cơ sở số tiền góp vốn nuôi tôm của nguyên đơn đã đưa trước đây, bị đơn có nhận số tiền 850.000.000^{đ} và đồng ý trả lại số tiền này. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận ông C, bà T có trách nhiệm trả cho ông H, bà Ng số tiền 850.000.000^{đ} đã góp vốn hợp tác.

[3.2] Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi của nguyên đơn : Xét thấy thỏa thuận của các bên là thỏa thuận hợp tác không phải thỏa thuận vay tiền. Trong quá trình hợp tác ông H, bà Ngrút vốn và ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo nội dung cam kết ngày 04/9/2018. Xác định đây là khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bị đơn phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm. Cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là không phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Tại các biên bản làm việc của Công an huyện Ninh Phước, cả hai bên bà Ng, ông C, bà T đều thừa nhận có sự thỏa thuận miệng là hạn trả vào tháng 5 âm lịch 2019 cụ thể bà Ng khai " …viết trong giấy: trong năm nay (2018) hay qua năm sau (2019) sẽ trả lại số tiền mượn, nói thêm bằng miệng là tháng 5 AL/2019 sẽ trả hết số tiền trên; ông C khai " …Chị Ng không làm nữa, tôi có nói lại với vợ chồng chị thu tôm có lãi sẽ trả tiền vốn từ từ cho vợ chồng chị Ng… là đến tháng 5 AL/2019", bà T cùng ký tên đồng ý trình bày của ông C và ông C, bà T thừa nhận đến tháng 5 AL/2019 bà Ng có xuống đòi tiền. Do đó, thời hạn trả tiền được xác định là tháng 5 AL/2019; giữa hai bên chỉ xác định tháng mà không rõ ngày thì thời hạn kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng đó theo quy định tại khoản 3 điều

148 Bộ luật Dân sự tương ứng ngày 02/7/2019, điều này phù hợp mốc thời gian sau đó nguyên đơn gửi đơn đến chính quyền địa phương tố cáo bị đơn nợ tiền không trả và được thụ lý giải quyết vào đầu tháng 8/2019. Do đó, không chấp nhận mốc tính từ tháng 02/2019 như nguyên đơn yêu cầu và không chấp nhận thời điểm trả nợ xác định từ tháng 01/2019 như Kiểm sát viên đề nghị.

Khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên áp dụng mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 là 10%/ năm = 0,833%/ tháng =0,028%/ ngày. Mức lãi suất nguyên đơn đưa ra 1%/ tháng = 12%/năm là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự nên không được chấp nhận.

Tính từ ngày vi phạm (ngày 03/7/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/12/2019) là 05 tháng 29 ngày, số tiền lãi chậm trả là 42.304.500đ *(Bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng)*. Cách tính cụ thể:
[(850.000.000 x 0,833%/ tháng) x 5 tháng] + [(850.000.000 x 0,028%/ ngày) x 29 ngày] = 42.304.500 *(Bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng).*

Từ những phân tích như trên, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc tính lãi chậm trả, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc trả tiền vốn góp.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, án sơ thẩm xác định án phí 5% trên số tiền phải trả là không chính xác. Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nên tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Cách tính : (850.000.000 + 42.304.500) =892.304.500, số tiền án phí là: 36.000.000 + (92.304.500 x 3%) =38.769.000đ (làm tròn số). Đồng thời bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí dân sự phúc thẩm: do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên không hoàn tiền (thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm).

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Thị Bích Th.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019 ngày 31/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng và bị đơn ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T về việc tranh chấp " Đòi lại tiền hợp tác nuôi tôm" có nội dung sau:

Ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T có nghĩa vụ phải trả cho ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng số tiền vốn góp 850.000.000đ *(Tám trăm năm mươi triệu đồng)*.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đơn ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng.

Buộc ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T có nghĩa vụ phải trả cho ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 42.304.500đ *(Bốn mươi hai triệu ba trăm lẻ bốn ngàn năm trăm đồng)*.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T về việc tuyên vô hiệu giấy mượn tiền ngày 04/9/2018 là do giả tạo, ép buộc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T phải chịu 39.069.000đ *(Ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi chín ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021007 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Ông C, bà T còn phải nộp 38.769.000đ *(Ba mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc H, bà Ngô Thị Thúy Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Huy C, bà Ngô Thị Kim T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số 0022106 ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2020).

Các Thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Lâm Bách	**Võ Minh Công**	**Phạm Thị Anh Trang**